

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST.  
Ngày 13-9-2023.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Linh Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Lâm;

Ông Nguyễn Văn Rất.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1977 – Xin vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phước T, sinh năm 1975 – Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố A Q, phường A H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã A H (nay là phường A H). Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình anh T tại ấp A Q, xã A H, huyện Trảng Bàng (nay là khu phố A Q, phường A H, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đi làm nhưng không phụ chi phí lo cho gia đình, nuôi con. Khi chị bị bệnh anh T cũng không chăm sóc mà bỏ

mặc chị. Đến năm 2021, anh T thường xuyên uống rượu say về kiếm chuyện chửi, đánh chị và con. Từ tháng 4-2023, chị dọn ra sống riêng và vợ chồng ly thân đến nay. Từ khi ly thân anh T có kêu chị quay về, nhưng khi chị không đồng ý thì anh T lấy xe chị đang sử dụng mang đi, anh T còn thường xuyên đến nơi chị ở quậy phá, mắng chửi chị. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 10-02-2000 và Nguyễn Phước H, sinh ngày 19-9-2009. Cháu C đang sống chung với chị V, cháu chậm phát triển nên hiện chị vẫn phải chăm sóc cháu. Cháu H hiện đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C, giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Phước T trình bày:

Lời trình bày của anh T và chị V về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung thống nhất nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày là do kinh tế vợ chồng khó khăn, chị V không đồng ý việc anh T xin nghỉ làm bảo vệ ở công ty nên vợ chồng tranh cãi nhau và ly thân từ tháng 5-2023 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ.

Nay anh yêu cầu đoàn tụ cùng chị V vì còn thương vợ, con.

Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, về con chung anh yêu cầu giao cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 10-02-2000, anh tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phước H, sinh ngày 19-9-2009, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị V đối với anh Nguyễn Phước T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim C, sinh ngày 10-02-2000 cho chị Nguyễn Thị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao



cháu **Nguyễn Phước H**, sinh ngày 19-9-2009 cho anh **Nguyễn Phước T** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị **V**, anh **T** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị **V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị V** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **Nguyễn Phước T** vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **V** và anh **T** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **A** H (nay là phường **A** H) nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và tự ly thân từ tháng 4-2023 đến nay mà không ai đặt vấn đề đoàn tụ. Chị **V** trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **T** không lo cho gia đình, thường uống rượu về mắng chửi, đánh chị và con. Anh **T** cho rằng vợ chồng mâu thuẫn nhau là do kinh tế gia đình khó khăn, chị **V** không đồng ý việc anh **T** xin nghỉ làm bảo vệ nên vợ chồng tranh cãi nhau. Nay chị **V** yêu cầu ly hôn, anh **T** yêu cầu đoàn tụ vì anh còn thương vợ, con.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị **V** và anh **T** chung sống không thể hiện được giữa chị **V** và anh **T** có mâu thuẫn gì, nhưng chị **V** đã bỏ ra sống riêng từ tháng 5-2023 đến nay. Anh **T** yêu cầu đoàn tụ nhưng từ khi vợ chồng ly thân anh **T** không đặt vấn đề đoàn tụ với chị **V**, Tòa án đã mời anh **T** đến Tòa làm việc, tham gia hòa giải nhưng anh **T** không đến, thể hiện anh **T** không có thiện chí đoàn tụ cùng chị **V**.

Từ những phân tích trên cho thấy, mâu thuẫn giữa chị **V** và anh **T** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **V** theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **V** và anh **T** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Thị Kim C**, sinh ngày 10-02-2000 và cháu **Nguyễn Phước H**, sinh ngày 19-9-2009. Cháu **C** đã trên 18 tuổi nhưng cháu chậm phát triển, không tự lao động sinh sống được mà phải có chị **V** chăm sóc và hiện đang sống chung với chị **V**. Cháu **H** hiện đang sống chung với anh **T**. Khi ly hôn, chị **V** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **C**, giao cháu **H** cho anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến cháu **H**, cháu cũng có nguyện vọng được theo sống với anh **T**, anh **T** cũng yêu cầu được

nuôi dưỡng cháu **H** nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị **V** ly hôn. Anh **T** đồng ý giao cháu **C** cho chị **V** tiếp tục nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị **V** và anh **T** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị **V** và anh **T** không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị **V** và anh **T** trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Chị **V** phải chịu án phí về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Nguyễn Thị V** đối với anh **Nguyễn Phước T**.

Chị **Nguyễn Thị V** được ly hôn anh **Nguyễn Phước T**.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Thị Kim C**, sinh ngày 10-02-2000 cho chị **Nguyễn Thị V** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu **Nguyễn Phước H**, sinh ngày 19-9-2009 cho anh **Nguyễn Phước T** tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị **Nguyễn Thị V** và anh **Nguyễn Phước T** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh **T** và chị **V** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị **Nguyễn Thị V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027303, ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Chị **V** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị **V**, anh **T** biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi các đương sự cư trú.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường A H;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Linh Ngọc**